

Số: 314/BC-THCSBT

Bình Tiên, ngày 23 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO CÔNG KHAI
THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03/06/2024
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO – NĂM HỌC 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường

Tên gọi: Trường Trung học cơ sở Bình Tây

2. Địa chỉ:

Số 36A đường Bình Tây, Phường Bình Tiên, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại:
028 7305 2239

Trang thông tin điện tử: THCS BÌNH TÂY (hcm.edu.vn)

3. Loại hình; Chức năng, nhiệm vụ:

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND phường Bình Tiên

Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở.

4. Mục tiêu giáo dục

Xây dựng và duy trì Trường Trung học cơ sở Bình Tây trở thành đơn vị tiên tiến, tập trung nâng cao chất lượng toàn diện nâng cao hơn nữa chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ trúng tuyển vào lớp 10; coi trọng giáo dục truyền thống, nhân cách sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối xã hội, cộng đồng; nâng cao lý tưởng, tinh thần trách nhiệm và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp

Nơi các em được phát triển đúng đắn và bền vững về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng sống cơ bản; có học vấn phổ thông trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học THPT hoặc nghề nghiệp.

Phát huy thành quả phong trào thi đua đồng hành với các giá trị cơ bản của nhà trường.

- Văn hóa nhà trường.
- Chất lượng và hiệu quả.
- Sống văn minh, có trách nhiệm, có lòng tin và trung thực.

5. Quá trình thành lập và phát triển

*** Quá trình thành lập**

Trường Trung học cơ sở Bình Tây được thành lập trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Bình Tiên theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân phường Bình Tiên.

*** Quá trình phát triển**

Để nâng cao chất lượng giáo dục, ngay từ năm học nhà trường xây dựng kế hoạch tập trung cho việc phụ đạo học sinh yếu kém; bồi dưỡng học sinh giỏi; tổ chức các hoạt

động giáo dục ngoài giờ lên lớp, học sinh khá, giỏi hàng năm đều tăng, trong nhiều năm liền nhà trường luôn có học sinh giỏi cấp quận, cấp Thành phố và các phong trào thi đua cũng đạt được những thứ hạng cao trong quận. Việc giáo dục đạo đức học sinh cũng được đặc biệt quan tâm. Nhà trường chủ trương giáo dục đạo đức học sinh thông qua thái độ tận tụy với nghề, tình thương yêu và tôn trọng học sinh của thầy, cô kết hợp với nội dung cuộc vận động "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực". Bên cạnh đó, việc quản lý nề nếp trật tự kỷ luật học sinh còn được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ bởi tổ Giám thị vốn là các thầy cô có kinh nghiệm giáo dục và có uy tín đối với học sinh và CMHS, uốn nắn và đưa vào nề nếp ngay từ khi vào trường.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên, với mục tiêu "Đổi mới sáng tạo trong dạy học". Cùng với việc thực hiện "Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục" và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho viên chức nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức, như: Tự học, đi học nâng cao dự các lớp tập huấn ngắn ngày, hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn... Bên cạnh đó công việc của từng thành viên trong nhà trường đều được cụ thể hóa bằng văn bản và công khai đến người có trách nhiệm giám sát đồng thời cũng tạo điều kiện để các thành viên hiểu biết, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc. Qua đó, xây dựng một tập thể đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, nắm vững chuyên môn - nghiệp vụ và gắn bó với nghề.

6. Thông tin người đại diện

Người đại diện pháp luật: Trần Đặng Trung Hiếu

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 36A đường Bình Tây, Phường Bình Tiên, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0913112151

Gmail: trunghieulamson2@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường: Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân phường Bình Tiên.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và các thành viên Hội đồng trường: Quyết định 1272/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của UBND quận 6 về kiện toàn nhân sự hội đồng trường THCS Bình Tây nhiệm kỳ 2020 – 2025.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy

* Cơ chế hoạt động của trường THCS Bình Tây

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân

công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức: xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Trường THCS Bình Tây là cơ sở giáo dục trung học cơ sở (THCS) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND phường Bình Tiên.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội địa phương.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo CTGDPT do BGD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giáo dục (HĐGD).

- Tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý học sinh theo quy định BGD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật,

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai và cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 15 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 29 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 94 công đoàn viên.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Trần Đặng Trung Hiếu	Hiệu trưởng	0913112151	trunghieulamson2@gmail.com
2	Lê Võ Ngọc Thảo	Phó Hiệu trưởng	0903387220	levongothao@thcsbinhtayq6.edu.vn
3	Nguyễn Thị Kim Hương	Phó Hiệu trưởng	0917537424	kimhuong7424@gmail.com

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	87		19	62	3	2		41	39	0	73	5		
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Văn	14		3	11				7	7		12	2		
2	Lịch sử - Địa lý	7		2	4	1			4	3		7			
3	GDCD	2			2				2				2		
4	Tiếng Anh	11		1	10				6	5		11	1		
5	Toán	14		7	6				6	7		13			
6	KHTN	14		2	13				6	8		12	2		
7	Công nghệ	3		1	2				2	1		3			
8	Tin học	3			3				1	2		2	1		
9	Nhạc	2			2				2			2			
10	Mỹ thuật	2			1				1			1			
11	Thể dục	5			4				1	3		4	1		

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém	
II	Cán bộ quản lý															
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1				
2	Phó hiệu trưởng	2		2							2	2				
III	Nhân viên															
1	Nhân viên văn thư	1			1											
2	Nhân viên kế toán	1				1										
3	Thủ quỹ	1					1									
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên thư viện	1			1											
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1										
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1					1									
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1			1											

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	44	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	44	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	08	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	01	-
8	Bình quân học sinh/lớp	34,5	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5.869,7	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.170,26	
VI	Tổng diện tích các phòng	3304	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Diện tích phòng học (m ²)	44,8	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	504	
3	Diện tích thư viện (m ²)	84	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	108	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	259	259/44
1.1	Khối lớp 6	93	93/11
1.2	Khối lớp 7	50	50/13
1.3	Khối lớp 8	57	57/11
1.4	Khối lớp 9	59	59/9
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	60	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	105	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	60	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	7/44
5	Nhạc Cụ	2	2/44
6	Tivi Tương Tác	45	45/44

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	60	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	2/44
2	Cát xét	04	4/44
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	7/44
5	Nhạc Cụ	2	2/44
6	Tivi Tương Tác	45	45/44

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	252

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	45 Phòng, tổng diện tích 2.016m ²	1.200	
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

IV KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của BGD&ĐT, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục: Quyết định số 591-52/QĐ-SGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2022 Về công nhận trường Trung học cơ sở Bình Tây đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

Hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá để khắc phục những hạn chế để đưa phong trào dạy học của nhà trường ngày được nâng lên.

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Trường THCS Bình Tây xây dựng và thực hiện kế hoạch, tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu cũng được quan tâm đúng mức.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cũng được tổ chức giảng dạy cho học sinh. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng tăng: tỷ lệ học sinh giỏi, tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng, học sinh giỏi các cấp mỗi năm đều tăng về số lượng và chất lượng.

Kết quả tuyển sinh lớp 6 năm học 2025 - 2026: 10 lớp (350 học sinh)

Tổng hợp các lớp năm học 2024-2025:

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
6	377	11	179	93	0
7	433	13	227	118	2
8	358	11	189	112	1
9	285	9	143	91	2
Toàn trường	1453	44	738	414	5

Chất lượng giáo dục cuối năm – Cuối năm (sau kiểm tra lại) – năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	1453	377	432	355	285
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1392	373	412	335	272
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	53	4	20	20	9
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	8	0	1	3	4
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1453	377	432	355	285
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	979 (67,38%)	278 (73,74%)	271 (62,59%)	237 (66,2%)	193 (67,72%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	360 (24,78%)	84 (22,28)	119 (27,48)	96 (26,82%)	61 (21,4%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	114 (7,85%)	15 (3,98%)	43 (9,93%)	25 (6,98%)	31 (10,88%)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Số học sinh nam/số học sinh nữ	715/738	198/179	206/227	169/189	142/143
IV	Số học sinh dân tộc thiểu số	414	93	118	112	91
V	Số học sinh đạt giải các kỳ thi					
1	Cấp quận	24	0	4	5	15
2	Cấp thành phố	30	5	3	7	15
3	Quốc gia/Khu vực/Quốc tế	2	1	1	0	0
VI	Số học sinh dự xét tốt nghiệp	285				285
VII	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	285				285

- Năm học 2024-2025 nhà trường có: 00 học sinh ở lại.
- Số học sinh được xét tốt nghiệp: 285 đạt 100%.
- Số học sinh trúng tuyển vào lớp 10 công lập: 266 học sinh (97,4%).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

a. Nguồn ngân sách:

NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	0	2.074.408.889
DỰ TOÁN GIAO (2)	16.111.583.000	13.868.521.695



NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	0	0
DỰ TOÁN THU (1+2+3)	16.111.583.000	15.942.930.584
DỰ TOÁN CHI	15.784.314.993	14.815.877.292
1. Tiền lương	7.730.691.617	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	0	
3. Phụ cấp lương	3.797.872.514	
4. Các khoản đóng góp	2.134.546.674	
5. Tiền thưởng	45.360.000	428.922.000
6. Phụ cấp làm thêm giờ	0	743.278.695
7. Phúc lợi tập thể	401.688.736	
8. Quỹ khen thưởng	200.844.368	
9. Quỹ phát triển HDSN	301.266.552	
8. Chi thu nhập tăng thêm	1.104.644.025	
9. Thanh toán dịch vụ công	31.384.248	
10. Vật tư văn phòng	4.350.024	
11. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	0	
12. Công tác phí	11.400.000	
13. Chi thuê mướn	0	
14. Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình hạ tầng cơ sở	0	
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	20.266.235	
16. Chi phí khác		13.639.676.597
18. Trợ cấp thôi việc	0	
19. Hỗ trợ chi phí học tập	0	4.000.000
20. Trợ cấp Tết nguyên đán		
DỰ TOÁN CÒN LẠI	327.268.007	1.127.053.292
CHUYỂN SANG NĂM 2025	327.268.007	1.013.550.057
KINH PHÍ HỦY	0	113.503.235

b. Nguồn dịch vụ

STT	Nội dung	Số liệu
I	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
1	Doanh thu	32.424.371.881
2	Chi phí	30.375.207.522

3	Thặng dư/Thâm hụt	2.049.164.359
II	Hoạt động tài chính	
1	Doanh thu	6.871.156
2	Chi phí	5.488.740
3	Thặng dư/Thâm hụt	1.382.416
III	Hoạt động khác	
1	Thu nhập khác	0
2	Chi phí khác	0
3	Thặng dư/Thâm hụt	0
IV	Chi phí thuế TNDN	414.743.613
V	Thặng dư/thâm hụt trong năm	
1	Phân phối các quỹ	5.513.236.096
2	Kinh phí cải cách tiền lương	2.282.047.824

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	8	1.560.000	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	0	0	
Truy học kỳ 1 năm học 2024-2025	0	0	

3. Công khai các khoản thu năm 2024-2025 và dự kiến năm học 2025-2026

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2024-2025			
1	Tiền tổ chức đề án tiên tiến hội nhập	Đồng	1.500.000	
2	Tổ chức phục vụ bán trú	Đồng	300.000	
3	Thiết bị vật dụng bán trú	Đồng	150.000	
4	Tiếng Anh tích hợp	Đồng	3.600.000	
5	Tiền ăn	Đồng	38.000	
6	Nước uống	Đồng	20.000	
7	Bảo hiểm tai nạn	Đồng	30.000	
8	Bảo hiểm y tế	Đồng	884.520	
9	Khám sức khỏe ban đầu	Đồng	23.000	
10	Tiền sử dụng máy lạnh	Đồng	23.000	
11	Enetviet	Đồng	135.000	
12	Học phẩm	Đồng	50.000	
II	Năm học 2025-2026			
1	Tiền tổ chức đề án tiên tiến hội nhập	Đồng	1.725.000	

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
2	Tổ chức phục vụ bán trú	Đồng	345.000	
3	Thiết bị vật dụng bán trú	Đồng	172.500	
4	Tiếng Anh tích hợp	Đồng	3.600.000	
5	Tiền ăn	Đồng	43.000	
6	Nước uống	Đồng	20.000	
7	Bảo hiểm tai nạn	Đồng	30.000	
8	Bảo hiểm y tế	Đồng	884.520	
9	Khám sức khỏe ban đầu	Đồng	26.000	
10	Tiền sử dụng máy lạnh	Đồng	26.000	
11	Enetviet	Đồng	135.000	
12	Học phẩm	Đồng	50.000	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	3.879.730.000	
3	Số dư tiền gửi tại ngân hàng	Đồng	3.265.676.628	

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	98	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	25.849.597.302	
III	Các khoản giảm trừ			
1	Số lượng người phụ thuộc tính giảm trừ	Người	122	
2	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Đồng	19.263.200.000	
3	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Đồng	0	
4	Bảo hiểm được trừ	Đồng	1.009.412.225	
IV	Thu nhập tính thuế	Đồng	6.941.113.656	

6. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

Số TT	Nội dung	Dự toán thu 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Dự toán ngân sách nhà nước				
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Tiền lương	10.011.432.800	4.521.770.988	3.427.863.799	132%
	Tiền công trả cho vị trí lao động theo hợp đồng	1.200.000.000	48.590.000	0	
	Phụ cấp lương	5.261.106.683	2.123.467.392	1.628.414.105	130%
	Các khoản đóng góp	2.780.683.909	1.215.508.772	952.934.623	128%
	Tiền thưởng	61.776.000	0	0	
	Phụ cấp làm thêm giờ	0	0	0	
	Phúc lợi tập thể	0	0	0	
	Thanh toán dịch vụ công cộng	315.000.000	100.361.803	0	
	Thanh toán dịch vụ công	0	0	0	
	Vật tư văn phòng	300.000.000	14.378.910	0	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	103.000.000	1.261.667	0	
	Công tác phí	11.400.000	4.500.000	5.700.000	79%
	Chi thuê mướn	607.671.672	0	0	
	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình hạ tầng cơ sở	700.000.000	0	0	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	539.640.000	0	0	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Phụ cấp làm thêm giờ	599.000.000	883.300.508	743.278.695	119%



Số TT	Nội dung	Dự toán thu 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Hỗ trợ chi phí học tập	0	0	0	
	Trợ cấp Tết nguyên đán	0	0	0	

Nơi nhận:

- Thông báo (*niêm yết*);
- Website của trường;
- Lưu: VT.



TRẦN ĐĂNG TRUNG HIỆU